TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số **180**/2018/HSST Ngày 13 - 8 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên toà: Ông Bàn Văn Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 184/2018/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Mùa A C (Tên gọi khác: Ch)**, sinh năm 1991, tại huyện V, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản B, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (Học vấn) 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A S, con bà Dừ Thị S; có vợ là Vàng Thị C. Tiền án; tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/6/2018 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1982, tại huyện Đ, Quảng N; nơi cư trú: Thôn Y, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng N, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn) 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B, con bà Bùi Thị Q; có vợ là Vũ Thị

H. Tiền án; tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/4/2018 đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1988, tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu S, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn) 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L, con bà Đàm Thị K; chưa có vợ. Tiền án; tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/4/2018 đến nay. Có mặt.

4. Họ và tên: **Bùi Đức T**, sinh năm 1988, tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu D, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tiến T, con bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị Tố U. Tiền án; tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/4/2018 đến nay. Có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1988, tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn) 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Q, con bà Hoàng Thị S; có vợ là Nguyễn Thị H. Tiền án; tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/4/2018 đến nay. Có mặt.

6. Họ và tên: **Đỗ Hữu N**, sinh năm 1982, tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu T, con bà Nguyễn Thị C; có vợ là Lưu Thị T. Tiền án; tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/4/2018 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30phút ngày 02/4/2018, Đỗ Hữu N gọi điện thoại di động cho Phạm Văn Đ hỏi mua 3.000.000đ ma túy tổng hợp (Hồng phiến), Đ đồng ý nhưng do Đ không có mặt tại huyện Mộc Châu nên Đ gọi điện thoại cho N, bảo N đến nhà N nhận tiền để đi mua ma túy, N đồng ý rồi điều khiển xe máy BKS 26G1 – 151… đến nhà N nhận tiền.

Khi đã nhận được tiền N gọi điện thoại báo cho Đ biết, Đ bảo N thêm 1.200.000đ để mua 100 viên ma túy tổng hợp (Hồng phiến), nhưng N chỉ thêm được 400.000đ, tổng cộng là 3.400.000đ. Đ gọi điện thoại cho C hỏi mua ma túy tổng hợp (Hồng phiến) với C, C nhất trí bán (về nguồn gốc ma túy C có để bán là C khai đi làm nương nhặt được 01 gói ma túy tổng hợp (Hồng phiến) tất cả có 72 viên, C đã sử dụng hết 01 viên còn lại 71 viên) Đ thỏa thuận mua 71 viên ma túy tổng hợp (Hồng phiến) với giá 3.400.000đ, thống nhất địa điểm giao ma túy và nhận tiền tại cổng trường THCS 15/10 thuộc địa phận tiểu khu Tiền Tiến, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, C nhất trí. Khoảng 13^h ngày 02/4/2018, C điều khiển xe máy mang ma túy đến điểm hẹn để giao cho Đ.

Sau đó Đ gọi điện thoại cho N đến địa điểm đã hẹn với C để nhận ma túy, N đã lấy xe máy BKS 26G1 – 151… rủ T đi cùng mua ma túy về bán cho N, T đồng ý. Khi N và T đã mua được ma túy với C, N gọi điện cho Đ hỏi và thống nhất với Đ là bán lại cho N 50 viên ma túy (Hồng phiến) còn lại 21 viên N chia thành 3 gói trong đó 01 gói đựng 5 viên, 01 gói đựng 06 viên, 01 gói đựng 10 viên, số ma túy này N, C đã sử dụng hết 6 viên. Khoảng 22^h 00 phút ngày 03/4/2018 Đ gọi điện thoại rủ N và C đến phòng bảo vệ trường THCS 8/4 thuộc tiểu khu Cơ Quan, thị trấn Nông Trường Mộc Châu để sử dụng 15 viên ma túy còn lại, N đã đi xe máy BKS 26G1 – 151.02 đến đón C, khi N và C đi đến khu vực ngã ba Xưởng Bột, thuộc tiểu khu Khí Tượng thì bị tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ đã yêu cầu dừng xe máy của N và C để kiểm tra phát hiện bắt giữ. Vật chứng thu giữ 15 viên ma túy, 01 xe máy BKS

26G1 – 151…, 01 bình thủy tinh dạng hồ lô có gắn ống trúc, ống đèn, pin điện 9V, 01 bật lửa ga mầu đỏ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Hữu N thu giữ 01 gói ni lon mầu xanh có băng dính, tiếp đến là lớp ni lon mầu trắng bên trong đựng 25 viên nén mầu hồng trên bề mặt có chữ WY nghi là Methamphetamine.

Tại biên bản mở niêm phong, kiểm đếm số lượng đã xác định khối lượng số các viên nén mầu hồng, trên bề mặt đều có chữ WY nghi là Methamphetaminne thu giữ của N, C, N như sau.

25 viên của Đỗ Hữu N có khối lượng 2,37 gam, lấy 05 viên = 0,50 gam làm mẫu giám định xác định có phải là ma túy không?. Loại ma túy gì?. Mẫu có ký hiệu Đ1.

Số 10 viên thu giữ của N và C có khối lượng 1,0 gam, lấy 05 viên = 0,49 gam làm mẫu giám định xác định có phải là ma túy không?. Loại ma túy gì?. Mẫu có ký hiệu N1.

Số 05 viên thu giữ của N và C có khối lượng 0,50 gam, lấy 03 viên = 0,30 gam làm mẫu giám định xác định có phải là ma túy không?. Loại ma túy gì?. Mẫu có ký hiệu C1.

Tại kết luận giám định số 492/KLMT ngày 09/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu N 1, C1, Đ1 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,29 gam. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ được 3,87 gam; Loại chất Methamphetamine.*

Cáo trạng số 139/CT-VKSMC ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố các bị cáo Mùa A C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS, các bị cáo Nguyễn Hữu C, Đỗ Hữu N về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã phát biểu ý kiến, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố

các bị cáo Mùa A C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Nguyễn Hữu C, Đỗ Hữu N về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý

Áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mùa A C từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

4. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu N từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

6. Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 2,58 gam Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu. 05 phong bì niêm phong bên ngoài ghi Test thử ma túy của các bị cáo gồm Nguyễn Trọng N, Đỗ Hữu N, Bùi Đức T, Phạm Văn Đ, Nguyễn Hữu C, 01 chiếc bật lửa ga mầu đỏ, 01 chiếc bình thủy tinh dạng hồ lô có gắn ống trúc, ống đèn, pin điện 9V có dây điện, 01 chiếc quần Kaki, mầu xám có chữ OWEN, bị rách phần đùi bên trái.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia của Nguyễn Trọng N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ mầu trắng xanh. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 1202 của Nguyễn Hữu C.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Iphone 6 của Đỗ Hữu N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Bùi Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 130 của Bùi Đức T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Vertu của Phạm Văn Đ.

Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS – 26G1 – 151....

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước với Mùa A C số tiền 3.400.000đ.

3. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của các bị cáo thể hiện ngày 02/4/2018 bị cáo Mùa A C đã bán trái phép 71 viên Methamphetamine cho Phạm Văn Đ với giá 3.400.000đ.

Cùng ngày Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T đã thống nhất bán cho Đỗ Hữu N 50 viên Methamphetamine với giá 3.000.000đ.

Đối với 21 viên ma túy còn lại Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T, Nguyễn Hữu C đã sử dụng hết 06 viên còn lại 15 viên có khối lượng 1,50 gam, ngày 03/4/2018 Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T, Nguyễn Hữu C rủ nhau cùng sử dụng, khi N và C đang trên đường mang ma túy đến địa điểm sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ.

Sau khi mua được 50 viên ma túy (Hồng phiến) N đã sử dụng hết 25 viên, còn lại 25 viên có khối lượng là 2,37 gam cất giấu tại nhà, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện thu giữ.

Căn cứ vào kết quả giám định, lời nhận tội của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Mùa A C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T đã cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu C, Đỗ Hữu N đã cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý độc quyền chất ma tuý của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an N trật tự tại địa phương.

Xét về nhân thân các bị cáo thấy rằng bị cáo đều có nhân thân xấu, đều là đối tượng nghiện chất ma túy. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc, việc cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời

gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy rằng bị cáo Phạm Văn Đ giữ vai trò chính. Các bị cáo Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T là đồng phạm trong hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, Nguyễn Hữu C là đồng phạm với bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình phạm tội các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T, Đỗ Hữu N, Nguyễn Hữu C đã tự khai báo ra hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, để từ đó giúp cho Cơ quan điều tra giải quyết được triệt để vụ án, không để lọt người, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra các bị cáo Phạm Văn Đ, Đỗ Hữu N có bố đẻ là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3] Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 2,58 gam Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu. 05 phong bì niêm phong bên ngoài ghi Test thử ma túy của các bị cáo gồm Nguyễn Trọng N, Đỗ Hữu N, Bùi Đức T, Phạm Văn Đ, Nguyễn Hữu C, 01 chiếc bật lửa ga mầu đỏ, 01 chiếc bình thủy tinh dạng hồ lô có gắn ống trúc, ống đèn, pin điện 9V có dây điện, 01 chiếc quần Kaki, mầu xám có chữ OWEN, bị rách phần đùi bên trái là vật Nhà nước cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số điện thoại thu giữ của các bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo đã dùng điện thoại để liên lạc với nhau về việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước và tịch thu tiêu hủy toàn bộ số sim điện thoại của các bị cáo, cụ thể như sau.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia của Nguyễn Trọng N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ mầu trắng xanh. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 1202 của Nguyễn Hữu C.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Iphone 6 của Đỗ Hữu N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Bùi Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 130 của Bùi Đức T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Vertu của Phạm Văn Đ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS – 26G1 – 151... thu giữ của Nguyễn Trọng N, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã có đủ căn cứ xác định chiếc xe máy đó Nguyễn Trọng N đã bán lại cho chị Nguyễn Thị T là em gái của Nguyễn Trọng N (Có hợp đồng mua bán ngày 10/02/2018), sau khi bán xe N có mượn xe để đi lại, vì là chỗ anh em nên chị T đã cho N mượn, việc N sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội chị T không biết, do vậy cần trả lại cho chị T quản lý, sử dụng.

Đối với chiếc xe máy của bị cáo Mùa A C và chiếc điện thoại bị cáo đã dùng làm phương tiện đi bán ma túy cho bị cáo N, liên hệ mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Đ, trong quá trình điều tra bị cáo đã bán chiếc xe máy đó

cho một người không quen biết, còn chiếc điện thoại bị cáo làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được,.

Đối với số tiền 3.400.000đ do Mùa A C bán ma túy cho bị cáo Phạm Văn Đ, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên không thu giữ được do vậy cần phải truy thu của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Thời hạn tạm giam của các bị cáo còn dưới 45 ngày nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Mùa A C (Tên gọi khác Chố), Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Nguyễn Hữu C, Đỗ Hữu N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mùa A C 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12/6/2018.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2018.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2018.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2018.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 21 (Hai mốt) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2018.

5. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2018.

6. Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 2,58 gam Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu: 05 phong bì niêm phong bên ngoài ghi Test thử ma túy của các bị cáo gồm Nguyễn Trọng N, Đỗ Hữu N, Bùi Đức T, Phạm Văn Đ, Nguyễn Hữu C; 01 chiếc bật lửa ga mầu đỏ, 01 chiếc bình thủy tinh dạng hồ lô có gắn ống trúc, ống đèn, pin điện 9V có dây điện, 01 chiếc quần Kaki, mầu xám có chữ OWEN, bị rách phần đùi bên trái.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia của Nguyễn Trọng N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ mầu trắng xanh. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 1202 của Nguyễn Hữu C.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Iphone 6 của Đỗ Hữu N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Bùi Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 130 của Bùi Đức T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 0 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Vertu của Phạm Văn Đ.

Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS – 26G1 – 151...., mầu xanh đen, số máy 1310FY004..., số khung E3S1E005..., xe đã qua sử dụng cũ.

Truy thu với bị cáo Mùa A C số tiền 3.400.000đ (Ba triệu, bốn trăm nghìn) nộp ngân sách Nhà nước.

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
-VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA H/S;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

CÁC HỘI THẨM

Tường Duy Bình – Đỗ Đình Bản

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Như Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mộc Châu, ngày 13 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: ….. giờ ..… ngày 13/8/2018.

Tại phòng nghị án TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và ông Đỗ Đình Bản.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 184/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Mùa A C**, sinh năm 1991, tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1982, tại huyện Đ Triều, Quảng N;

Họ và tên: **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1988, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Họ và tên: **Bùi Đức T**, sinh năm 1988, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Họ và tên: **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1988, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Họ và tên: **Đỗ Hữu N**, sinh năm 1982, tại huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố:

Các bị cáo: Mùa A C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N, Bùi Đức T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo: Nguyễn Hữu C, Đỗ Hữu N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mùa A C (Tên gọi khác Chố).

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Mùa A C 36 (Ba sáu) tháng tù.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 36 (Ba sáu) tháng tù.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 24 (Hai bốn) tháng tù.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 24 (Hai bốn) tháng tù.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 21 (Hai mốt) tháng tù.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu N 15 (Mười lăm) tháng tù.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46,47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 2,58 gam Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu. 05 phong bì niêm phong

bên ngoài ghi Test thử ma túy của các bị cáo gồm Nguyễn Trọng N, Đỗ Hữu N, Bùi Đức T, Phạm Văn Đ, Nguyễn Hữu C, 01 chiếc bật lửa ga mầu đỏ, 01 chiếc bình thủy tinh dạng hồ lô có gắn ống trúc, ống đèn, pin điện 9V có dây điện, 01 chiếc quần Kaki, mầu xám có chữ OWEN, bị rách phần đùi bên trái.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia của Nguyễn Trọng N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ mầu trắng xanh. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 1202 của Nguyễn Hữu C.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ mầu trắng xanh. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 1202 của Nguyễn Hữu C.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Iphone 6 của Đỗ Hữu N.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Bùi Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, vỏ mầu đen. Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Nokia 130 của Bùi Đức T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, vỏ mầu vàng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại trong chiếc điện thoại Vertu của Phạm Văn Đ.

Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị Thu 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS – 26G1 – 151.02, mầu xanh đen, số máy 1310FY004932, số khung E3S1E005580, xe đã qua sử dụng cũ.

Truy thu với bị cáo Mùa A C số tiền 3.400.000đ (Ba triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi…....giờ..…phút..…… ngày 13 tháng 8 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tường Duy Bình – Đỗ Đình Bản **Đỗ Như Khánh**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
-VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA H/S;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Như Khánh

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA H/S;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Như Khánh